**TUẦN 19**

**TOÁN**

**Chủ đề 8: CÁC SỐ ĐẾN 10 000**

**BÀI 45: CÁC SỐ CÓ 4 CHỮ SỐ. SỐ 10 000(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Đọc, viết thành thạo các số có bốn chữ số

+ Nhận biết được số trò nghìn

+ Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán.

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 3 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 3,4 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Viết số thích hợp lên mỗi tấm bìa (VBT/3)**  - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt. | - HS nối tiếp trả lời  - Học sinh nhận xét  Đáp án:5 006; 6 350; 8 705. |
| **\* Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm(VBT/3)**  - GV cho HS lần lượt nêu kết quả.  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh và chốt đáp án. | - HS thực hiện làm bài  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  a) 2 998; 2 999; 3 000  b) 2 699; 2 700… 2 704  c) 1 139; 1 140….1 143; 1 144 |
| **\* Bài 3: Số (VBT/3)**  - GV cho học sinh lần lượt nêu kết quả  - GV nhận xét, khen. | - HS nêu kết quả.  1 820; 4 655; 5 900; 7 804  - HS nhận xét. |
| **\* Bài 4: ( VBT/4)**  - GV tổ chức cho HS trò chơi Ai nhanh- Ai đúng  - GV cho HS nhận xét và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh và đúng.  - GV nhận xét, chốt kết quả. | - HS tham gia trò chơi  - HS nhận xét, lắng nghe.  + Các số tròn trăm gồm các số:  3 200; 2 100; 5 400; 7 800; 4 000  + Các số tròn nghìn gồm các số:  8 000; 4 000; 9 000 |
| **3. HĐ vận dụng**  - GV cho HS nêu cách đọc các số sau:  8 102; 8 742; 5 565; 1 789;…  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS lần lượt nêu cách đọc.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**BÀI 45: SỐ 10 000 (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Đọc, viết thành thạo các số có bốn chữ số

+ Nhận biết số 10 000, số tròn nghìn

+ Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán.

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/4 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4,5 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Viết số thích hợp chỗ chấm (VBT /4)**  - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt. | - HS nối tiếp trả lời  a) 3 690; b) 6 428  c) 9 713; d) 8 030  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Viết số thích hợp (VBT /4)**  - GV cho HS lần lượt điền số thích hợp  - Cho học sinh nhận xét  - GV cho HS giải thích cách điền số  - GV nhận xét, khen học sinh và chốt đáp án. | - HS thực hiện làm bài  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  4 889; 3 784; 7 001 |
| **\* Bài 3: VBT/ 5**  - GV cho học sinh lên bảng thực hiện  - GV nhận xét. | - HS lên bảng làm bài  - HS nhận xét. |
| **\* Bài 4: VBT/ 5**  - GV gọi 1 hs nêu đề bài  - GV nhận xét, chốt kết quả. | - 1Hs nêu đề bài  - 1 HS nêu đáp án: B  - HS nhận xét |
| **3. HĐ Vận dụng**  - GV cho HS lên bảng viết các số có bốn chữ số là các số tròn chục, tròn nghìn, tròn trăm.  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS thực hiện  - HS trả lời, nhận xét  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**BÀI 45: LUYỆN TẬP (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Đọc, viết thành thạo các số có bốn chữ số

+ Nhận biết số tròn trăm, tròn chục

+ Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán.

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 5,6 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4,5/ 5,6 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Viết số thích hợp(VBT /5)**  - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt. | - HS nối tiếp trả lời  a) 4 283; b) 5 071  c) 9 230; d) 2 892  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Số (VBT /5)**  - GV cho HS nêu kết quả  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh và chốt đáp án.  - GV giới thiệu HS đây là dãy số tròn nghìn  - Yêu cầu HS giải thích cách điền số | - HS thực hiện làm bài  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  a) 5 000; 6 000  b) 7 000; 8 000  - HS nêu cách điền số vào ô trống:  Số liền sau lớn hơn số liền trước 1 000 đơn vị. |
| **\* Bài 3: VBT/ 6**  - GV cho 4HS lên bảng làm bài tập  - GV nhận xét, khen học sinh và chốt đáp án. | - HS lên bảng làm bài  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  *a) 6 728= 6 000+700+20+8*  *b) 9170= 9 000+100+70*  *c) 2 089 = 2 000+ 80+9*  *d) 4 650= 4 000+ 600+ 50* |
| **\* Bài 4: VBT/ 6**  - GV cho đọc câu hỏi và xác định yêu cầu đề bài.  - Gọi 1HS nêu đáp án  - GV nhận xét, chốt kết quả.  **\* Bài 5: VBT/ 6**  - GV gọi hs nêu câu hỏi.  - Gọi 1HS trình bày bài làm  - GV nhận xét, chốt kết quả. | - HS đọc câu hỏi và xác định yêu cầu .  - Hs nêu kết quả: đáp án C  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS nêu câu hỏi  -1 HS trình bày bài làm:  5 200; 5 700; 7 500;  7 200; 2 500; 2 700.  - HS nhận xét |
| **3. HĐ Vận dụng**  - GV tổ chức HS tham gia trò chơi  Ai nhanh- Ai đúng  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**BÀI 46: SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000 (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Biết cách so sánh hai số trong phạm vi 10 000.

+ Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại trong một nhóm không quá 4 số (trong phạm vi 10 000)

+ Xác định được số lớn nhất hoặc bé nhất trong một nhóm không quá 4 số (trong phạm vi 10 000)

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán.

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/7 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/7,8 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Điền dấu >;<;=(VBT /7)**  - GV cho học sinh lên bảng làm bài  - GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt. | - HS lên bảng làm bài  a) >; b) <; c) >; d) <; e) <; g) =  - Học sinh nhận xét bài làm |
| **\* Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (VBT /7)**  - GV cho HS nêu kết quả  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh và chốt đáp án. | - HS nêu kết quả  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  a) cái kẹo  b) |
| **\* Bài 3: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (VBT/ 7,8)**  - GV cho HS lên bảng làm bài tập  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh và chốt đáp án. | - HS lên bảng làm bài  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  a) dầu ăn; sữa bột  b) sữa bột; đường; nồi; dầu ăn |
| **\* Bài 4: VBT/ 8**  - GV gọi 1 hs nêu yêu cầu  - Gọi 2 HS lên bảng làm bài  - GV nhận xét, chốt kết quả. | - HS nêu yêu cầu  - HS lên bảng làm bài  - HS nhận xét  a) 9 540  b) 4 059 |
| **3. HĐ Vận dụng :**  - GV cho HS tham gia trò chơi “Ai nhanh- Ai đúng” : Điền dấu thích hợp vào chỗ trống.  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**BÀI 46: LUYỆN TẬP (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Biết cách so sánh hai số trong phạm vi 10 000.

+ Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại trong một nhóm không quá 4 số (trong phạm vi 10 000)

+ Xác định được số lớn nhất hoặc bé nhất trong một nhóm không quá 4 số (trong phạm vi 10 000)

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán.

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2;3/ 8 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4,5/ 8,9 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Điền Đ;S(VBT/8)**  - GV cho học sinh nối tiếp nêu đáp án  - GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt. | - HS nối tiếp trả lời  a) S; Đ; S; S  b) Đ; S; Đ; Đ  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (VBT /8)**  - GV cho HS nêu câu hỏi và xác định yêu cầu đề bài  - Gọi HS nêu kết quả  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh và chốt đáp án. | - HS nêu câu hỏi và xác định yêu cầu  - HS nêu kết quả bài làm  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  Đáp án: 2 998; 3 001 |
| **\* Bài 3: Viết tiếp vào chỗ chấm (VBT/9)**  - GV cho HS nêu câu hỏi và xác định yêu cầu đề bài  - Gọi HS nêu kết quả  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh và chốt đáp án. | - HS nêu câu hỏi và xác định yêu cầu  - HS nêu kết quả bài làm  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  Đáp án: Ngọc Linh; Tà Xùa; Nhìu Cô San; Tả Liên |
| **\* Bài 4: Viết tiếp vào chỗ chấm (VBT/9)**  - GV cho HS nêu câu hỏi và xác định yêu cầu đề bài  - Gọi HS nêu kết quả  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh và chốt đáp án.  **\* Bài 5: Viết tiếp vào chỗ chấm (VBT/9)**  - GV cho HS nêu câu hỏi và xác định yêu cầu đề bài  - Gọi HS nêu kết quả  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh và chốt đáp án. | - HS nêu câu hỏi và xác định yêu cầu  - HS nêu kết quả bài làm  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  Đáp án: Cốc Mai ghi số: 2011  - HS nêu câu hỏi và xác định yêu cầu  - HS nêu kết quả bài làm  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  Đáp án:a) 1 590  b) 9 510 |
| **3. HĐ Vận dụng :**  - GV cho HS sắp xếp các dãy số sau theo thứ tự tăng dần và giảm dần  a) 1 983; 2 011; 2 015; 1 938  b) 2 965; 2 598; 3 009; 2 865  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | -HS làm bài  - HS nhận xét bài làm  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |